

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Ngọc Điệp

2/ Ông Bùi Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trung H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh B (nay là khu phố C, phường T, Thành phố H). Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Khu phố A1, phường C, thành phố T, tỉnh B (nay là khu phố C, phường T, Thành phố H). Vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2025 (nộp qua đường bưu điện ngày 13/3/2025) và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Lê Trung H trình bày:

Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại giấy chứng nhận kết hôn số 085/05, quyển số 01 ngày 28/6/2005. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà P bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay. Bà P bỏ đi không quan tâm gì đến cuộc sống của chồng và các con. Từ năm 2019 đến nay, bà P bỏ mất 02 con cho ông H một mình chăm sóc. Hiện nay, ông H thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết cho ông H được ly hôn với bà P.

Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà P có 02 người con chung tên Lê Trung H1, sinh ngày 10/12/2005 và Lê Trung N, sinh ngày 21/12/2015. Hiện nay, cháu H1 đã trưởng thành. Còn cháu N còn nhỏ đang đi học nhưng từ nhỏ cháu đã sống chung và một mình ông H chăm sóc cháu cho đến nay. Hiện nay, ông H làm lao động tự do và kinh doanh nhà trọ. Thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/tháng đủ để chăm sóc con.

Ông H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị P.
2. Về con chung: Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trung N, sinh ngày 21/12/2015. Đối với con chung Lê Trung H1, sinh ngày 10/12/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Trung H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị P nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2025, Công an phường C, thành phố T, tỉnh B cung cấp bị đơn bà Nguyễn Thị P có nơi thường trú tại số Khu phố A1, phường C, thành phố T, tỉnh B (nay là khu phố C, phường T, Thành phố H). Tuy nhiên, bà P đã không còn cư trú tại địa chỉ trên, bà P không thông báo với chính quyền địa phương. Hiện bà P cư trú ở đâu thì địa phương không rõ. Như vậy có cơ sở để xác định bà P có nơi cư trú cuối cùng tại số Khu phố A1, phường C, thành phố T, tỉnh B (nay là khu phố C, phường T, Thành phố H), nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Lê Trung H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa (Tòa án đã tiến hành niêm yết tại nơi thường trú của bà P đồng thời đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Thanh Niên, Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về nội dung: Ông Lê Trung H và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 085/05, quyển số 01 ngày 28/6/2005 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Do đó, theo quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà P bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm gì đến cuộc sống của chồng và các con, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà P. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ, ghi nhận ý kiến của bà P nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương nơi ông H, bà P cư trú cho biết: Ông H và bà P là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng ông H và bà P có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ vì ông H và bà P không thông báo với địa phương. Tuy nhiên, bà P bỏ đi từ năm 2019 cho đến nay, các con chung do một mình ông H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng ông H, bà P vì không còn tình cảm với nhau. Bà P bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông H, bà P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa ông H và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà P là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Trung H đối với bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Ông H và bà P có 02 con chung tên Lê Trung H1, sinh ngày 10/12/2005 và Lê Trung N, sinh ngày 21/12/2015. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trung N, sinh ngày 21/12/2015. Đối với con chung Lê Trung H1, sinh ngày 10/12/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy: Từ khi ông H và bà P không còn chung sống thì cháu N đã sống chung với ông H và một mình ông H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến nay. Qua làm việc với cháu N trình bày có nguyện vọng sống cùng với cha. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu N cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Trung H đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung H được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trung N, sinh ngày 21/12/2015 cho ông Lê Trung H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Lê Trung H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số: 0001596 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Ông Lê Trung H tự nguyện chịu số tiền 3.232.000 đồng (ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng), ông H đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15 – TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND phường T, TP H
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Huy Toàn